

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /KH-SNNMT

An Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH

Sản xuất và tiêu thụ trong lĩnh vực trồng trọt vụ Thu Đông năm 2025

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo tăng trưởng chung của tỉnh trong năm 2025, thực hiện Công văn số 957/UBND-KTĐT ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc Tổ chức sản xuất vụ Thu Đông, đảm bảo tăng trưởng năm 2025; sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ trong lĩnh vực trồng trọt vụ Thu Đông năm 2025, cụ thể như sau:

I. Kế hoạch sản xuất vụ Thu Đông 2025

1. Kế hoạch sản xuất lúa, nếp:

a) Diện tích sản xuất lúa, nếp:

Qua thống kê, toàn tỉnh hiện có tổng số 700 tiểu vùng, trong đó diện tích có bờ bao kiểm soát lũ triệt để là 422 vùng bao, năng lực phục vụ 193.941 ha.

Dự kiến, kế hoạch diện tích xuống giống vụ Thu Đông 2025 là 168.654 ha, trong đó diện tích lúa là 154.722 ha và rau màu 13.932 ha. Ước năng suất lúa bình quân đạt 6,2 tấn/ha, sản lượng ước đạt 959.277 tấn (Phụ lục 1).

Diện tích kế hoạch xả lũ Thu Đông 2025 với 25.381,1 ha thuộc 32 tiểu vùng (Phụ lục 2).

b) Lịch thời vụ xuống giống lúa, nếp:

Căn cứ vào khung lịch thời vụ của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và tình hình khí tượng, thủy văn; thời gian xuống giống theo từng tiểu vùng của vụ trước; diễn biến rầy nâu trên đồng ruộng, rầy nâu vào bầy đèn trong và ngoài tỉnh. Khuyến cáo khung lịch thời vụ xuống giống vụ Thu Đông 2025 trong toàn tỉnh được khuyến cáo bắt đầu từ ngày 15/7 đến ngày 31/8/2025 (nhằm ngày 21 tháng 6 đến ngày 09 tháng 7 năm 2025 âm lịch), gồm 03 trà lúa:

- Trà sớm diện tích xuống giống khoảng 18.500 ha
- Trà đại trà diện tích xuống giống khoảng 135.000 ha.
- Trà muộn diện tích xuống giống khoảng 8.000 ha
- **Lịch xuống giống né rầy:**

Trên cơ sở theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn trong và ngoài tỉnh, tình hình thu hoạch lúa Hè Thu 2025, lịch xuống giống đồng loạt, tập trung và né rầy chia làm 02 đợt dự kiến như sau:

+ Đợt 1: Xuống giống tập trung từ 15/7 đến 24/7/2025 (Nhằm ngày 21/6 – 30/6 của tháng 6 trước nhuận AL năm Ất tỵ), xuống giống tập trung ở những vùng thu hoạch Hè Thu sớm và đại trà với khoảng 30 ngàn ha.

+ Đợt 2: Xuống giống tập trung từ 11/8 - 22/8/2025 (Nhằm ngày 18/6– 29/6 của tháng 6 sau nhuận AL năm Ất Tỵ), xuống giống dứt điểm ở những vùng thu hoạch Hè Thu đại trà và muộn với diện tích khoảng 50 ngàn ha.

Tùy theo tình hình rầy nâu vào bầy đèn ở từng địa phương mà có lịch xuống giống cụ thể nhưng phải tuân thủ lịch xuống giống đồng loạt, tập trung, né rầy và theo khung lịch thời vụ chung của tỉnh. Lưu ý trên cùng một tiểu vùng không để nhiều trà lúa đan xen nhau.

c) Cơ cấu giống lúa, nếp:

Tiếp tục thực hiện theo chỉ đạo về cơ cấu giống lúa của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong những năm qua là: Mỗi địa phương xác định cơ cấu giống gồm 04 đến 05 giống chủ lực, 04 đến 05 giống bổ sung và vài giống triển vọng mới; cơ cấu một giống không quá 20%, phần đầu sử dụng 80% giống lúa chất lượng cao. Khuyến cáo nông dân chọn canh tác các giống lúa chất lượng cao được các doanh nghiệp chọn thu mua tiêu thụ nhiều trong thời gian qua gồm OM 18, OM 5451, Đài Thơm 8,... và Nếp (IR 4625). Do đó, các địa phương có biện pháp chỉ đạo và khuyến cáo nông dân sản xuất các giống này trong vụ Thu Đông 2025.

Đề nghị các địa phương và nông dân tổ chức liên kết sản xuất khi có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, khi sản xuất phải phù hợp với các tiêu chuẩn như 1P5G, SRP, VietGAP, GlobalGAP... và gắn với định hướng cấp mã số vùng trồng và tình hình liên kết tiêu thụ của từng địa phương.

2. Kế hoạch thực hiện quy trình 1P5G và 3G3T:

Kế hoạch diện tích áp dụng quy trình 1P5G là 66.258 ha đạt 52,2 % so diện tích xuống giống và diện tích áp dụng quy trình 3G3T với diện tích 133.558 ha đạt 86,2 % so DTXG trong vụ Thu Đông 2025(Phụ lục 3).

3. Kế hoạch sản xuất rau màu, cây ăn trái:

- Tổng diện tích xuống giống rau màu ước khoảng 13.929 ha (Phụ lục 4).

- Kế hoạch diện tích cây ăn trái trên địa bàn tỉnh An Giang đến cuối năm 2025 khoảng 21.000 ha. Ước diện tích xuống giống cây ăn trái theo kế hoạch chuyển đổi giai đoạn 2021-2025 trong vụ Thu Đông 2024 tăng khoảng 840 ha, chủ yếu là cây xoài, mít, chuối, cây có múi, nhãn, sầu riêng...

4. Kế hoạch thực hiện Đề án 1 triệu héc-ta trong vụ Thu Đông 2025

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 tại An Giang theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh phân đầu trong vụ Thu Đông 2025 đạt 44.051 ha, trong đó cụ thể từng xã phường (*Phụ lục 5*).

- Tổ chức vận động nông dân tham gia, triển khai thực hiện mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh phục vụ kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long” được chọn tổ chức ở các địa phương (*Phụ lục 6*).

5. Các giải pháp phục vụ sản xuất vụ Thu Đông 2025:

a) Đối với cây lúa:

Các địa phương(xã phường) xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Thu Đông 2025 theo kế hoạch chung của tỉnh, vụ Thu Đông 2025 xuống giống trong điều kiện thời tiết có mưa, bão nhiều nên gặp khó khăn trong sản xuất, dự báo xuất hiện một số sâu, bệnh hại như: rầy nâu, muỗi hành, bệnh đạo ôn, bệnh cháy bìa lá, bệnh lem lép hạt ...do đó cần tập trung một số giải pháp sau:

- Triển khai và thực hiện theo Quyết định số 73/QĐ-TT-VPPN ngày 25/4/2022 của Cục Trồng trọt về ban hành Quy trình kỹ thuật canh tác lúa giảm chi phí và nâng cao hiệu quả tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/03/2024 của Cục Trồng trọt về Ban hành Quy trình và sổ tay hướng dẫn “Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”.

- Địa phương cần rà soát và đẩy nhanh tiến độ cấp mã số vùng trồng lúa đối với các vùng đã có hợp tác xã, tổ hợp tác chưa được cấp mã số.

- Về thời vụ, các địa phương xây dựng kế hoạch xuống giống lúa, nếp vụ Thu Đông 2025 phù hợp với khung lịch thời vụ chung của tỉnh; tập trung khuyến cáo nông dân vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống; tăng cường công tác vận động nông dân xuống giống tập trung, đồng loạt trên cơ sở số liệu từ hệ thống bẫy đèn để đảm bảo xuống giống né rầy và né mưa bão cuối vụ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình nguồn nước, mùa vụ sản xuất và thị trường.

- Biện pháp canh tác: Khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp - IPM; 3 giảm, 3 tăng; 1 phải, 5 giảm (chú ý lượng giống gieo sạ từ 80 - 100 kg/ha), trong đó chú trọng áp dụng tốt giải pháp tưới nước tiết kiệm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh thái - trồng hoa trên bờ ruộng để dẫn dụ thiên địch nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc trừ sâu trong giai đoạn 40 ngày đầu sau sạ...tăng cường tuyên truyền hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng. Khuyến cáo nông dân tăng cường

các biện pháp giúp cây lúa khỏe như bổ sung vi lượng, phân bón có chứa canxi, silic...giúp cây lúa tăng tính chống chịu tự nhiên.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng nhằm phát hiện sớm, hướng dẫn nông dân xử lý các đối tượng dịch hại và có biện pháp ứng phó kịp thời để bảo vệ năng suất lúa tốt hơn.

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên nền đất trồng lúa đối với những tiểu vùng xuống giống muộn, nằm ngoài lịch khuyến cáo để tránh ảnh hưởng đến vụ Đông Xuân 2025 - 2026.

- Kiên quyết trong việc chỉ đạo xuống giống theo khung thời vụ quy định và theo thông báo xuống giống né rầy; thời gian xuống giống trên cùng 01 tiểu vùng không quá 07 ngày và không để nhiều trà lúa đan xen nhau; thời gian xuống giống không kéo dài quá 02 tháng mỗi vụ để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá, muỗi hành (sâu năn) và các loài dịch hại khác gây ra.

- Phối hợp các cơ quan thông tin truyền thông của địa phương kịp thời thông báo về tình hình diễn biến dịch hại, ảnh hưởng của mưa bão, ngập úng, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh và của địa phương, các biện pháp phòng chống dịch hại, biện pháp đối phó tình hình mưa bão để mọi người dân biết và chủ động tích cực thực hiện.

- Phải tuân thủ khung lịch thời vụ theo khuyến cáo, né rầy, né lũ (nếu có), đảm bảo sản xuất vụ Thu Đông 2025 an toàn, hiệu quả.

** Lưu ý: Không xuống giống lúa vụ Thu Đông 2025 ở những vùng không có đê bao kiểm soát lũ triệt để; đối với các vùng đã xuống giống ngoài đê bao, đề nghị các địa phương tổ chức bảo vệ ăn chắc các diện tích này.*

*** Đối với việc triển khai thực hiện Đề án 1 triệu héc-ta trong vụ Thu Đông 2025:**

- Tiếp tục quan tâm việc triển khai đề án 1 triệu ha theo Kế hoạch, lộ trình đã đề ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực của các HTX, THT, Tổ KNCD để đảm đương nhiệm vụ tổ chức sản xuất lúa theo đề án; chú trọng công tác xúc tiến, mời gọi doanh nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị tại các vùng thực hiện theo kế hoạch 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao.

- UBND các xã phường cần khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể diện tích và giải pháp thực hiện cho vụ Thu Đông năm 2025.

- Tiếp tục tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác khuyến nông, tổ KNCD kết nối, hướng dẫn Hợp tác xã, Tổ hợp tác thực hiện quy trình canh tác lúa chất lượng cao theo ngành chức năng khuyến cáo; kiến thức về thị trường, chuyển đổi số, tư vấn hướng dẫn kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử,... Cập nhật kiến thức chuyên môn phục vụ thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất

lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”.

- Đẩy mạnh các hoạt động tập huấn, tuyên truyền thông qua việc xây dựng các mô hình áp dụng triệt để quy trình sản xuất lúa theo Đề án do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; tập trung đầu tư trang bị cho các HTX/THT đảm bảo áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất làm tiền đề thúc đẩy, nhân rộng mô hình theo kế hoạch đề ra.

b) Đối với cây rau màu:

- Ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, thuốc Bảo vệ thực vật, kỹ thuật canh tác,... để tạo ra các sản phẩm rau, màu bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất các loại rau an toàn theo quy trình và tiêu chuẩn gắn với yêu cầu của doanh nghiệp; đẩy nhanh tiến độ cấp mã số vùng trồng rau theo nhu cầu đăng ký doanh nghiệp.

- Thành lập các Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất rau an toàn tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm rau màu và liên kết với các công ty, siêu thị... để tiêu thụ sản phẩm.

- Quản lý nguồn giống sạch bệnh phục vụ sản xuất và theo dõi, áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, có hiệu quả; lưu ý bộ phận trắng gây bệnh vi rút khảm lá khoai mì, sâu keo mùa thu gây hại trên cây bắp để có ngăn chặn, xử lý ngay từ đầu.

- Tổ chức, tập huấn, hội thảo ở các vùng rau, màu trọng điểm để hướng dẫn nông dân sản xuất theo hướng chất lượng, an toàn đáp ứng các tiêu chuẩn trong sản xuất; tập huấn, hướng dẫn nông dân sản xuất rau, màu trong nhà lưới, nhà màng nhằm hạn chế sâu bệnh và nâng cao chất lượng sản phẩm.

c) Đối với cây ăn trái:

- Giao địa phương xúc tiến đẩy nhanh tiến độ cấp mã số vùng trồng (code) tại những nơi chưa có mã số vùng trồng; rà soát thay thế người đứng tên của các mã số vùng trồng, hướng dẫn thay đổi tên người đứng mã số trước đây khi cần thiết; tập huấn cho nhà vườn hiểu thêm về phương thức tiến hành cấp mã số vùng trồng phục vụ cho sản phẩm tiêu thụ tại các thị trường như: Mỹ, Hàn Quốc, Úc, Trung Quốc,...

- Tổ chức tập huấn cho nhà vườn, Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác với các nội dung sâu bệnh hại trên cây ăn trái, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả, vệ sinh vườn, hướng dẫn ghi chép sổ tay nhật ký canh tác, tại các vùng trồng có gắn kết với doanh nghiệp.

- Hướng dẫn nông dân cắt tỉa cành, tạo tán sử dụng các biện pháp kỹ thuật quản lý cây trồng trồng mùa mưa bão nhằm hạn chế rụng trái và đổ ngã.

- Tuyên truyền, vận động để nông dân biết về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhóm điều hoà sinh trưởng để kích thích xoài cho ra hoa, khi cần phải sử dụng phù hợp (thời kỳ sinh trưởng cây trồng, thời gian sử dụng thuốc điều hoà sinh trưởng); khuyến cáo nông dân cắt cành, tia nhánh, chăm sóc dưỡng cây sau mỗi vụ thu hoạch.

- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất cây ăn trái phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu để bao tiêu sản phẩm, hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

II. Kế hoạch liên kết và tiêu thụ vụ Thu Đông 2025

1. Đối với cây lúa:

Vụ Thu Đông 2025 dự kiến sản xuất lúa khoảng 153.676 ha, ước năng suất lúa bình quân đạt 6,2 tấn/ha, sản lượng ước đạt 952.791 tấn. Kế hoạch đăng ký từ các doanh nghiệp, tổng diện tích liên kết tiêu thụ là 46.500 ha, chiếm 31,1% diện tích kế hoạch xuống giống với sự tham gia liên kết của 14 công ty và doanh nghiệp (*Phụ lục 7*).

Các địa phương tăng cường kết nối thông tin doanh nghiệp, thương lái thu mua lúa, nếp, đảm bảo việc tiêu thụ sản lượng lúa, nếp được thu hoạch. Căn cứ theo lịch xuống giống, sản lượng lúa, nếp sẽ tập trung thu hoạch cao điểm vào các đợt :

Đợt 1: 07/11 đến 22/11: Thu hoạch khoảng 300.000 tấn.

Đợt 2: 01/12 đến 16/12: Thu hoạch khoảng 200.000 tấn.

Các thời điểm còn lại từ cuối tháng 9 sẽ có thu hoạch lúa Thu Đông liên tục.

2. Đối với cây rau màu:

Tiếp tục phát triển tập trung sản xuất rau, màu tại các vùng trọng điểm của tỉnh như: xã Chợ Mới, xã Mỹ Hòa Hưng, Xã Bình Mỹ, xã Bình Hòa, xã Châu Phong,... chú trọng tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, hỗ trợ các địa phương về mặt kỹ thuật sản xuất, đưa vào ứng dụng nhà lưới, nhà màng công nghệ cao từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần làm tăng giá trị sản phẩm rau màu của tỉnh.

Đẩy mạnh việc mời gọi doanh nghiệp gắn kết, đầu tư và thu mua các loại rau, màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao như: bắp non, đậu nành rau và nhóm rau dưa... Tăng vòng quay sản xuất của các nhóm rau ăn lá, ngắn ngày, tận dụng các diện tích trên vườn cây ăn trái để bố trí trồng xen các loại rau, nhằm tăng thu nhập cho người dân. Liên kết với các nhà thu mua có thị trường rộng mở như: Bách Hóa xanh, Coopmart, Vinmart...

3. Đối với cây ăn trái:

Củng cố lại các Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm đầu mối liên kết tiêu thụ cây ăn trái, chủ động trong việc tìm kiếm và kết nối doanh nghiệp trong liên kết để phù hợp với năng lực sản xuất của mình.

Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp, Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Phan, Công ty XNK trái cây Chánh Thu, Công ty TNHH sản xuất chế biến nông sản Cát Tường, Công ty TNHH Hoàng Phát Fruit, Công ty Cổ Phần Rau quả Thực phẩm An Giang (Antesco), Tập đoàn Vina T&T, Công ty TNHH Lefarm và các doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh để giải quyết đầu ra cho nhóm cây ăn trái tại các địa phương.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh:

- Tuyên truyền cho hội viên, nông dân thực hiện tốt Kế hoạch này; vận động hội viên, nông dân áp dụng các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn tiên tiến như SRP, VietGAP, Global GAP, hữu cơ... vào sản xuất.

- Phối hợp tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất nông sản chủ lực liên kết với doanh nghiệp thông qua các tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) trên địa bàn tỉnh.

- Tập huấn, hướng dẫn hội viên, nông dân và người đại diện chủ động thiết lập và duy trì các điều kiện tiêu chuẩn của vùng trồng xuất khẩu, đạt yêu cầu cấp mã số vùng trồng; chú trọng đến quản lý sinh vật gây hại, giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và giảm chi phí vật tư nông nghiệp.

2. Đề nghị Liên minh Hợp tác xã:

- Phối hợp tuyên truyền và thực hiện các chính sách khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ để nhân rộng cánh đồng lớn, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất theo chuỗi liên kết. Đồng thời, hỗ trợ và củng cố các THT, HTX đảm bảo đủ mạnh để đại diện nông dân tham gia liên kết với doanh nghiệp. Thúc đẩy nhanh việc hình thành các THT rau màu, cây ăn trái tại các vùng khi có doanh nghiệp tham gia liên kết thu mua.

- Có chính sách hỗ trợ các HTX phát triển, đặc biệt hỗ trợ liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra, mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh.

3. Đề nghị Sở Công Thương:

- Hỗ trợ kết nối cung cầu theo chuỗi giá trị nông sản giữa bên sản xuất (HTX, THT, doanh nghiệp liên kết) với bên tiêu thụ có hệ thống phân phối hiện đại: siêu thị, cửa hàng thực phẩm; Phối hợp Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tăng cường hợp tác vùng, liên vùng để giới thiệu và bày bán các hàng hóa, nông sản sản xuất theo chuỗi giá trị, có chứng nhận, thương hiệu, xuất xứ hàng hóa xâm nhập các thị trường lớn như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch thực hiện Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND tỉnh nhằm đa phương hóa, đa dạng hóa trong hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ HTX, doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, giao dịch và tiêu thụ sản phẩm trên website thương mại điện tử/sàn giao dịch thương mại điện tử trong và ngoài nước.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến, tình hình xuất khẩu hàng hóa, kịp thời nắm bắt thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài về tình hình thị trường, động thái, cơ chế chính sách của các nước sản xuất, xuất khẩu nông sản để chuyển tiếp đến các ngành có liên quan và doanh nghiệp chủ động điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

4. Đề nghị Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh:

- Rà soát, phối hợp các sở, ban, ngành khác đánh giá tình hình sản xuất, tiêu thụ của tỉnh để có kế hoạch phát triển thị trường, tìm kiếm đầu ra cho nông sản.

- Tham gia các sự kiện, hội chợ, hội nghị kết nối giao thương để tìm kiếm khách hàng, đối tác trong và ngoài nước tiêu thụ nông sản của tỉnh. Chủ động tìm kiếm đối tác có năng lực bao tiêu và thực hiện hệ thống logistic từ vùng nguyên liệu đến thị trường mục tiêu.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư các nhà máy chế biến, bảo quản để nâng cao giá trị sản phẩm và kéo dài thời gian bảo quản để tham gia xuất khẩu. Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa nông sản tại thị trường nước ngoài; các hội nghị kết nối giao thương; hội chợ triển lãm thương mại....

- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh sản phẩm chủ lực của tỉnh.

5. Đề nghị Sở Tài chính:

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí nạo vét kênh mương, cống bọng, gia cố đê bao phục vụ sản xuất theo đúng quy định.

6. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông:

- Thực hiện công tác thông tin, quảng bá về sản phẩm nông sản trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, nguồn nguyên liệu rất lớn nhằm thu hút doanh nghiệp đến đầu tư nhà máy, trang thiết bị để thực hiện sơ chế, chế biến đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác xuất khẩu, cũng như tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Tuyên truyền Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ trong lĩnh vực trồng trọt vụ Thu Đông năm 2025 và các văn bản liên quan.

- Hỗ trợ Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số và thương mại điện tử, thúc đẩy việc tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Đài Phát thanh Truyền hình An Giang:

Xây dựng các phóng sự, tin bài để quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh; tập trung các phóng sự về tuyên truyền sản xuất, lịch thời vụ, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh trên cây trồng, thông tin thị trường...giúp nông dân và doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất và tiêu thụ của tỉnh.

8. Đề nghị Hội Phụ nữ tỉnh, Đoàn thanh niên tỉnh:

Tuyên truyền, vận động nông dân thực theo kế hoạch đề ra, hỗ trợ vận động, đẩy mạnh liên kết sản xuất nhằm tạo chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao.

9. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã phường:

- Chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Thu Đông 2025, chú ý đánh giá các điều kiện đảm bảo sản xuất, đề xuất các giải pháp đảm bảo vụ Thu Đông 2025. Đối với các vùng nằm trong kế hoạch xả lũ Thu Đông 2025, cần phải xả lũ có kiểm soát đảm bảo không ảnh hưởng đến rau màu và cây ăn trái; lồng ghép triển khai Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tại địa phương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nông dân tuân thủ lịch xuống giống do ngành chức năng khuyến cáo, không xuống giống ở những vùng có nguy cơ ảnh hưởng của lũ, đề bao không chắc chắn; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát công tác tổ chức, điều hành trong việc tuân thủ lịch xuống giống tại địa phương, kiên quyết xử lý các xã, phường, thị trấn để xảy ra tình trạng xuống giống sai lịch, làm ảnh hưởng chung đến kế hoạch sản xuất chung của tỉnh.

- Chủ động mời gọi, kết nối các doanh nghiệp đã được Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh, Sở Công Thương,... giới thiệu để liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tránh để tình trạng tồn đọng lúa gạo trong người dân; thực hiện cập nhật tình hình sản xuất, cơ cấu giống, ước sản lượng lúa, thông tin để các doanh nghiệp chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực thu mua, nhất vào lúc thu hoạch cao điểm.

- Thực hiện rà soát, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo định hướng của ngành nông nghiệp, tập trung đa dạng các loại rau màu, cây ăn trái.

- Chủ động cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện gia cố đê bao, cống, đập và các phương án tiêu thoát nước, đề phòng mưa bão bất thường, chống úng, chống lũ trong trường hợp cần thiết. Khuyến cáo nông dân xuống giống lúa theo nhu cầu, tín hiệu của thị trường.

- Chủ động phối hợp các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến, quản lý dịch hại tổng hợp đến người dân để áp dụng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, công tác xuất khẩu.

10. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Chủ động phối hợp cùng UBND các xã phường và các đơn vị liên quan triển khai đạt kế hoạch sản xuất và tiêu thụ vụ Thu Đông 2025.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về việc tuân thủ xuống giống đúng khung lịch thời vụ của tỉnh. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật đảm bảo thúc đẩy xuống giống đúng lịch thời vụ; Theo dõi, dự báo diễn biến tình hình dịch hại, thông báo và hướng dẫn cho nông dân phòng trừ kịp thời và hiệu quả. Thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra, thăm đồng phát hiện kịp thời các loại dịch hại để giúp cho nông dân chủ động phòng trừ.

- Phối hợp Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đẩy nhanh tiến độ cấp mã số vùng trồng; tuyên truyền, phổ biến cho nông dân tại các vùng trồng cây ăn trái, rau màu về chỉ tiêu, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu và một số thị trường khác theo yêu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân.

- Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản khảo sát các vườn cây ăn trái, rau màu đạt chuẩn để doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết thu mua. Cần xác định vùng trồng cây ăn trái, rau an toàn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế và xã hội ở địa phương.

- Theo dõi, cập nhật tình hình sản xuất và tiêu thụ, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng tuần, tháng, quý..

b) Chi cục Thủy lợi

Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng kế hoạch sản xuất trong điều kiện mưa bão. Tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan phổ biến biện pháp quản lý; tăng cường thông tin, tuyên truyền về tình hình nguồn nước nhằm để người dân nâng cao ý thức trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Tham mưu cấp thẩm quyền chỉ đạo các xã, phường tăng cường thực hiện việc nạo vét tại điểm lấy nước, hệ thống kênh mương, lấp đặt và vận hành các trạm bơm đã chiến; thực hiện ưu tiên bơm tiêu chống úng trong điều kiện mưa bão”.

c) Chi cục Phát triển Nông thôn và Quản lý Chất lượng

Đẩy mạnh việc tuyên truyền và thực hiện các chính sách khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất theo chuỗi liên kết. Đồng thời, hỗ trợ và củng cố các THT, HTX đảm bảo đủ mạnh để đại diện nông dân tham gia liên kết với doanh nghiệp.

Tiếp tục phối hợp tham mưu triển khai các chương trình phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hội Nông dân, Ngân hàng nhà nước Việt Nam về sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin về các mối liên kết sản xuất và tiêu thụ để các địa phương liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản cho nông dân.

d) Trung tâm Khuyến nông

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý Chất lượng trong việc triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ trong vụ Thu Đông 2025. Đẩy mạnh việc thực hiện các mô hình sản xuất tiên tiến theo các tiêu chuẩn của doanh nghiệp yêu cầu; Các mô hình sản xuất cây ăn

trái, rau màu cho hiệu quả kinh tế cao. Thực hiện các hội thảo khuyến nông về giống, lớp tập huấn và mô hình kỹ thuật sản xuất hiệu quả, mã số vùng trồng.

- Tiếp tục củng cố các Tổ Khuyến nông cộng đồng giúp lực lượng này từng bước đi vào nề nếp, hoạt động ổn định, đây sẽ là lực lượng nòng cốt cho việc vận hành kế hoạch cũng như tuyên truyền các chính sách của tỉnh đến từng hộ nông dân và giúp họ thay đổi dần tư duy sản xuất.

- Tích cực tuyên truyền về công tác kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng hạt giống, đảm bảo cung ứng các dịch vụ để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân.

đ) Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Căn cứ chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 của ngành Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao; chủ động phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch trên từng lĩnh vực để thực hiện đạt kế hoạch đặt ra trong năm 2025.

- Tham mưu, đề xuất kế hoạch phân bổ nguồn vốn và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ vụ Thu Đông năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các Sở, ngành, UBND các phường xã và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở NN và MT;
- Sở: CT, TC, TTTT;
- Trung tâm XTTM-ĐT tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, LMHTX tỉnh;
- Hội Phụ nữ tỉnh, Đoàn thanh niên tỉnh;
- Đài PT-TH AG;
- UBND xã phường (có tên trong KH);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CVT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Hiệp



Phụ lục 1: Diện tích, năng suất và sản lượng lúa vụ Thu Đông năm 2025

Số TT	Tên đơn vị hành chính (xã phường sau sáp nhập)	KH xuống giống lúa TĐ 2025 (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Phường Mỹ Hòa Hưng	126	6,0	756
2	Phường Bình Đức (Phường Bình Đức; Bình Khánh; Mỹ Khánh)	250	6,0	1.500
3	Phường Long Xuyên (phường Mỹ Hòa, phường Mỹ Bình, phường Mỹ Long, phường Mỹ Xuyên, phường Mỹ Phước và phường Mỹ Quý)	350	6,0	2.100
4	Phường Mỹ Thới (phường Mỹ Thạnh và phường Mỹ Thới)	1.141	6,0	6.720
5	Phường Châu Đốc (phường Châu phú A, Châu Phú B, Vĩnh Ngươn, Vĩnh Mỹ, một phần xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ An)	1.317,21	6,9	9.089
6	Phường Vĩnh Tế (phường Núi Sam, xã Vĩnh Tế và phần lớn xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ Thuận; Mỹ Phú)	3.880,74	6,9	26.777
7	Xã An Phú (thị trấn An Phú, xã Vĩnh Hội Đông, phần lớn trong tổng số diện tích tự nhiên là 23,70 km ² , quy mô dân số là 19.220 người của xã Phú Hội (chuyển diện tích tự nhiên của 02 ấp thuộc xã Phú Hội sang xã Nhơn Hội); tiếp nhận 01 phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng; tiếp nhận diện tích và dân số từ ấp Phước Thạnh của xã Phước Hưng)	1.466,0	6,25	9.162,0
8	Xã Vĩnh Hậu (thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Trường)	1.557,0	6,20	9.653,0

9	Xã Nhơn Hội (xã Nhơn Hội, xã Quốc Thái, phần lớn trong tổng số diện tích tự nhiên là 15.49 km ² , quy mô dân số là 14,820 người của xã Phước Hưng; đồng thời, tiếp nhận thêm diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 ấp: Phú Thuận và Phú Trung thuộc xã Phú Hội)	2.211,0	6,3	13.929,0
10	Xã Khánh Bình (thị trấn Long Bình, xã Khánh An, xã Khánh Bình)	-	-	-
11	Xã Phú Hữu (xã Phú Hữu và xã Vĩnh Lộc, tiếp nhận 1 phần ấp Phước Khánh (Cồn Cóc) xã Phước Hưng)	770,0	6,60	5.082,0
12	Xã Tân An (xã Tân Thạnh, xã Tân An và xã Long An)	-	-	-
13	Xã Châu Phong (xã Phú Vĩnh, xã Lê Chánh và xã Châu Phong)	1.722,0	6,3	10.848,6
14	Xã Vĩnh Xương (xã Phú Lộc, xã Vĩnh Xương và xã Vĩnh Hoà)	996,5	6,3	6.278,0
15	Phường Tân Châu (phường Long Thạnh và phường Long Sơn)	954,0	6,3	6.010,2
16	Phường Long Phú (phường Long Hưng, phường Long Châu và phường Long Phú)	570,0	6,3	3.591,1
17	Xã Phú Tân (Thị trấn Phú Mỹ, xã Tân Trung, xã Tân Hòa, xã Phú Hưng)	1.101	6,1	6.716
18	Xã Phú An (xã Phú Thọ, xã Phú Xuân, xã Phú An)	1.605	6,1	9.791
19	Xã Bình Thạnh Đông (xã Hiệp Xương, xã Phú Bình, xã Bình Thạnh Đông)	1.459	6,1	8.900
20	Xã Chợ Vàm (thị trấn Chợ Vàm, xã Phú Thành, xã Phú Thạnh)	1.236	6,1	7.540
21	Xã Hòa Lạc (xã Hòa Lạc, xã Phú Hiệp)	2.484	6,1	15.152
22	Xã Phú Lâm (xã Long Hòa, xã Phú Lâm, xã Phú Long)	3.481	6,1	21.234

23	Xã Mỹ Đức (xã Mỹ Đức và xã Khánh Hòa)	3.787,0	6,50	24.615,5
24	Xã Vĩnh Thạnh Trung (xã Mỹ Phú và thị trấn Vĩnh Thạnh Trung)	3.116,6	6,50	20.257,9
25	Xã Châu Phú (thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú)	3.248,2	6,50	21.113,3
26	Xã Bình Mỹ (xã Bình Mỹ, xã Bình Thủy và xã Bình Chánh)	5.556,0	6,50	36.114,0
27	Xã Thạnh Mỹ Tây (xã Đào Hữu Cảnh, xã Thạnh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ)	9.856,2	6,50	64.065,3
28	Xã An Cư (xã An Cư, xã Văn Giáo và xã Vĩnh Trung)	2.088,0	5,3	11.066,4
29	Xã Núi Cẩm (xã An Hảo và xã Tân Lập)	2.410,5	5,5	13.257,8
30	Phường Thới Sơn (phường Nhơn Hưng, phường Nhà Bàng và phường Thới Sơn)	112,0	5,6	627,2
31	Phường Tịnh Biên (phường An Phú, phường Tịnh Biên và xã An Nông)	1.218,0	5,4	6.577,2
32	Phường Chi Lăng (phường Chi Lăng, phường Núi Voi và xã Tân Lợi)	-		
33	Xã Tri Tôn (TT. Tri Tôn; xã Núi Tô; Châu Lăng)	2.595	5,40	14.013
34	Xã Ba Chúc (TT. Ba Chúc; xã Lê Trì; Lạc Quới)	1.749	5,40	9.445
35	Xã Vĩnh Gia (Vĩnh Gia, Vĩnh Phước, Lương An Trà)	6.290	5,40	33.966
36	Xã Ô Lâm (Lương Phi, An Tức, Ô Lâm)	3.354	5,40	18.112
37	Xã Cô Tô (Cô Tô, Tà Đánh, Tân Tuyên))	7.576	5,40	40.910
38	Xã An Châu (thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh, xã Vĩnh Thành)	5.050,74	6,2	31.315
39	Xã Bình Hòa (xã Bình Hòa, xã An Hòa, xã Bình Thạnh)	1.877,00	6,3	11.825
40	Xã Cần Đăng (xã Cần Đăng, xã Vĩnh Lợi)	4.568,00	6,2	28.322
41	Xã Vĩnh Hanh (xã Vĩnh Hanh, xã Vĩnh Nhuận)	5.844,40	6,2	36.235

42	Xã Vĩnh An (thị trấn Vĩnh Bình, xã Vĩnh An, xã Tân Phú)	6.088,93	6,2	37.751
43	Xã Cù Lao Giêng (xã Tân Mỹ, xã Mỹ Hiệp, xã Bình Phước Xuân)	-	-	-
44	Xã Hội An (thị trấn Hội An, xã Hòa Bình, xã Hòa An)	2.185	6,3	13.656
45	Xã Long Điền (thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A, xã Long Điền B)	1.727	5,9	10.189
46	Xã Chợ Mới (thị trấn Chợ Mới, xã Kiến An, xã Kiến Thành)	1.860	6,2	11.532
47	Xã Nhơn Mỹ, (xã Nhơn Mỹ, xã Mỹ Hội Đông, xã Long Giang)	3.830	6,3	24.129
48	Xã Long Kiến (xã An Thạnh Trung, xã Long Kiến, xã Mỹ An)	2.794	6,2	17.323
49	Xã Thoại Sơn (xã Thoại Giang; xã Bình Thành; thị trấn Núi Sập)	5.356	6,5	34.814
50	Xã Óc Eo (xã Vọng Thê; xã Vọng Đông; Thị trấn Óc Eo)	5.163	6,5	33.560
51	Xã Định Mỹ (xã Định Thành, xã Định Mỹ, Vĩnh Phú)	9.124	6,5	59.306
52	Xã Phú Hòa (xã Phú Thuận; xã Vĩnh Chánh; thị trấn Phú Hòa)	5.383	6,5	34.990
53	Xã Vĩnh Trạch (xã Vĩnh Khánh; xã Vĩnh Trạch)	4.071	6,5	26.462
54	Xã Tây Phú (xã An Bình, xã Tây Phú, xã Mỹ Phú Đông)	8.166	6,5	53.079
	Tổng cộng	154.722	6,2	959.277



Phụ lục 2: DIỆN TÍCH CÁC TIỂU VÙNG THỰC HIỆN XẢ LŨ THU ĐÔNG 2025

Kèm Kế hoạch số 02/KH-SNNMT ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tiểu vùng	Diện tích (ha)
1	Vùng bao Tân An - Tân Thạnh	1.646
2	Tiểu vùng Bắc Kênh Vĩnh An	3.133
3	Vùng bao Tam Giác	496
4	Quốc lộ 91 - Kênh 3 - Vĩnh Tre - Cần Thảo, xã Mỹ Phú	1.586,1
5	Quốc lộ 91 - Mương Khai - Vĩnh Tre - Cây Gáo - Kênh 1, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	727,8
6	Kênh 7 - Kênh 8 - Kênh Quốc Gia - Cây Dương, xã Bình Long	232,6
7	Kênh 7 - Kênh 8 - Kênh 10CP - Kênh Quốc Gia, xã Bình Long	195
8	Quốc lộ 91 - Kênh 2 - Cây Dương - Mương Trâu, xã Bình Mỹ	963,66
9	Nam Kênh Đình, xã Bình Thủy	216,2
10	Kênh 13 - Kênh 14 - Cây Dương - Kênh 10CP, xã Bình Phú	411,4
11	Kênh 7 - Kênh 8 - Vĩnh Tre - Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây	348,7
12	Kênh 7 - Kênh 10 - Vĩnh Tre - Cần Thảo, xã Ô Long Vĩ	1.532,6
13	Tiểu vùng Đông kênh ranh (xã Vĩnh Phước)	400
14	Tiểu vùng ấp Tô Hạ (xã Núi tô)	100
15	Tiểu vùng Phước Lộc 2 (Ồ Lâm)	150
16	Tiểu vùng Phước Lợi - Phước Bình (Ồ Lâm)	149,4
17	Tiểu vùng Phước An 2 (Ồ Lâm)	150
18	Tiểu vùng Phước Thọ 1 (Ồ Lâm)	150
19	Tây sườn Phú Thọ	598
20	Đông sườn Phú Thạnh	2.753
21	Tây sườn Phú Thạnh	993
22	Đông Tây rạch Cái Mây	923
23	Nam Phú Bình	1.058
24	Bắc Nam bảy bưng	1.032
25	Bắc Phú Bình	963
26	Đông sườn Phú Thọ	1.832
27	Đông mương trường học	684
28	Tây sườn Phú An	389
29	Đông bảy bích	1.106
30	Hòa Bình 3, xã Hòa Bình	305
31	Tiểu vùng 5, xã Kiến An	264
32	Long Kiến 2, xã Long Kiến	42
	Tổng cộng	25.381,1

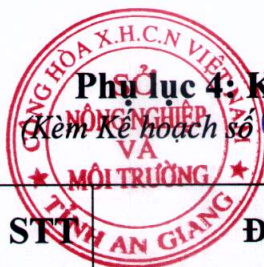
Phụ lục 3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 3G3T VÀ 1P5G TRONG VỤ THU ĐÔNG 2025

(Kèm kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Phường xã	DTXG	Tổng áp dụng 3G3T			Tổng áp dụng 1P5G		
			DT(ha)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	DT(ha)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Phường Mỹ Hòa Hưng	126	119	283	94,4	86	204	68,3
2	Phường Bình Đức	250	235	353	94,0	170	255	68,0
3	Phường Long Xuyên	350	330	668	94,3	238	476	68,0
4	Phường Mỹ Thới	1.141	1.057	1.500	92,6	762	1.082	66,8
5	Phường Châu Đốc	1.317	965	1.038	73,2	651	466	49,4
6	Phường Vĩnh Tế	3.881	3.624	1.894	93,4	2.905	1.905	74,9
7	Xã An Phú	1.466	1.246	1.408	85,0	762	861	52,0
8	Xã Vĩnh Hậu	1.557	1.323	1.495	85,0	810	915	52,0
9	Xã Nhơn Hội	2.211	1.879	2.124	85,0	1.150	1.299	51,0
10	Xã Khánh Bình	-	-	-	-	-	-	-
11	Xã Phú Hữu	770	655	740	85,0	400	452	51,0
12	Xã Tân An	-	-	-	-	-	-	-
13	Xã Châu Phong	1.722	1.680,0	3.864,0	97,6	1.334	1.387,0	77,5
14	Xã Vĩnh Xương	1.698	1.656,0	1.242,0	97,6	1.314	1.012,0	77,4
15	Phường Tân Châu	1.025	997,0	1.137,0	97,3	674	768,0	65,8
16	Phường Long Phú	998	970,0	989,0	97,2	728	699,0	73,0
17	Xã Phú Tân	1.101	1.002	902	91	793	881	72,0
18	Xã Phú An	1.605	1.461	1.314	91	1.156	1.284	72,0
19	Xã Bình Thạnh Đông	1.459	1.328	1.195	91	1.050	1.167	72,0
20	Xã Chợ Vàm	1.236	1.125	1.012	91	890	989	72,0
21	Xã Hòa Lạc	2.484	2.260	2.034	91	1.788	1.987	72,0
22	Xã Phú Lâm	3.481	3.168	2.851	91	2.506	2.785	72,0

23	Xã Mỹ Đức	3.787	2.518	2.090	66,5	1.727	1.440	45,6
24	Xã Vĩnh Thạnh Trung	3.117	1.482	1.235	47,6	954	795	30,6
25	Xã Châu Phú	3.248	1.603	1.336	49,4	1.048	874	32,3
26	Xã Bình Mỹ	5.556	3.468	2.890	62,4	2.152	1.791	38,7
27	Xã Thạnh Mỹ Tây	9.856	7.058	5.882	71,6	4.320	3.601	43,8
28	Xã An Cư	2.088,0	1.990	1.833	95,3	461	377	22,1
29	Xã Núi Cấm	2.410,5	1.510	2.892	62,6	1.276	3.101	52,9
30	Phường Thới Sơn	112,0	109	53	97,3	45	36	40,2
31	Phường Tịnh Biên	1.218,0	1.019	483	83,6	600	245	49,3
32	Phường Chi Lăng	-	-	-	0,0	-	-	-
33	Xã Tri Tôn	2.595	2.120	1.010	81,7	908	433	35,0
34	Xã Ba Chúc	1.749	1.429	680	81,7	612	292	35,0
35	Xã Vĩnh Gia	6.290	5.139	2.447	81,7	2.202	1.048	35,0
36	Xã Ô Lâm	3.354	2.740	1.305	81,7	1.174	559	35,0
37	Xã Cô Tô	7.576	6.190	2.947	81,7	2.652	1.263	35,0
38	Xã An Châu	5.051	4.872	5.111	96,5	3.401	3.705	67,3
39	Xã Bình Hòa	1.877	1.843	2.305	98,2	1.333	1.365	71,0
40	Xã Cần Đăng	4.568	4.453	3.669	97,5	2.774	2.452	60,7
41	Xã Vĩnh Hanh	5.844	5.637	3.604	96,4	3.860	2.411	66,0
42	Xã Vĩnh An	6.089	5.888	3.016	96,7	4.096	2.118	67,3
43	Xã Cù Lao Giêng	-	-	-	0,0	-	-	-
44	Xã Hội An	2.185	1.890	3.166	86,5	1.272	2.108	58,2
45	Xã Long Điền	1.727	1.448	2.345	83,8	948	1.535	54,9
46	Xã Chợ Mới	1.860	1.561	2.723	83,9	1.016	1.779	54,6
47	Xã Nhơn Mỹ	3.830	3452	5592	90,1	2270	3.677	59,3

48	Xã Long Kiến	2.794	2.380	3.858	85,2	1.536	2.514	55,0
49	Xã Thoại Sơn	5.356	5.115	2.496	95,8	2.373	1.356	50,6
50	Xã Óc Eo	5.163	4.977	1.813	96,1	2.454	1.031	43,8
51	Xã Định Mỹ	9.124	8.299	5.072	90,7	4.745	2.483	52,9
52	Xã Phú Hòa	5.383	4.999	2.531	93,9	1.853	885	38,5
53	Xã Vĩnh Trạch	4.071	3.790	2.169	93,6	2.342	1.073	54,7
54	Xã Tây Phú	8.166	7.759	2.954	95,1	4.561	1.612	56,4
	Tổng cộng	154.722	133.816	107.551	86,5	81.131	68.833	52,4



Phụ lục 4: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT RAU MÀU VỤ THU ĐÔNG 2025
(Kèm Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Địa phương (xã phường sau sáp nhập)	Diện tích xuống giống (ha)
1	Phường Mỹ Hòa Hưng	134
2	Phường Bình Đức	39
3	Phường Long Xuyên	14
4	Phường Mỹ Thới	23
5	Phường Châu Đốc	163
6	Phường Vĩnh Tế	32
7	Xã An Phú	27
8	Xã Vĩnh Hậu	255
9	Xã Nhơn Hội	183
10	Xã Khánh Bình	-
11	Xã Phú Hữu	129
12	Xã Tân An	-
13	Xã Châu Phong	41
14	Xã Vĩnh Xương	56
15	Phường Tân Châu	26
16	Phường Long Phú	42
17	Xã Phú Tân	380
18	Xã Phú An	66
19	Xã Bình Thạnh Đông	405
20	Xã Chợ Vàm	70
21	Xã Hòa Lạc	15
22	Xã Phú Lâm	64
23	Xã Mỹ Đức	861
24	Xã Vĩnh Thạnh Trung	210
25	Xã Châu Phú	88
26	Xã Bình Mỹ	405
27	Xã Thạnh Mỹ Tây	182
28	Xã An Cư	48
29	Xã Núi Cấm	30
30	Phường Thới Sơn	67
31	Phường Tịnh Biên	91
32	Phường Chi Lăng	11
33	Xã Tri Tôn	115
34	Xã Ba Chúc	112

35	Xã Vĩnh Gia	150
36	Xã Ô Lâm	10
37	Xã Cô Tô	80
38	Xã An Châu	204
39	Xã Bình Hòa	465
40	Xã Cần Đăng	113
41	Xã Vĩnh Hạnh	82
42	Xã Vĩnh An	118
43	Xã Cù Lao Giêng	41
44	Xã Hội An	1.462
45	Xã Long Điền	610
46	Xã Chợ Mới	2.131
47	Xã Nhơn Mỹ	1.208
48	Xã Long Kiến	2.210
49	Xã Thoại Sơn	57
50	Xã Óc Eo	65
51	Xã Định Mỹ	173
52	Xã Phú Hòa	128
53	Xã Vĩnh Trạch	137
54	Xã Tây Phú	100
	Tổng cộng	13.929



Phụ lục 5: Diện tích thực hiện Đề án 1 triệu ha năm 2025

STT	Xã phường	Diện tích (ha)
1	Phường Mỹ Hòa Hưng	-
2	Phường Bình Đức (Phường Bình Đức; Bình Khánh; Mỹ Khánh)	189,0
3	Phường Long Xuyên (phường Mỹ Hòa, phường Mỹ Bình, phường Mỹ Long, phường Mỹ Xuyên, phường Mỹ Phước và phường Mỹ Quý)	-
4	Phường Mỹ Thới (phường Mỹ Thạnh và phường Mỹ Thới)	-
5	Phường Châu Đốc (phường Châu phú A, Châu Phú B, Vĩnh Ngươn, Vĩnh Mỹ, một phần xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ An)	276,0
6	Phường Vĩnh Tế (phường Núi Sam, xã Vĩnh Tế và phần lớn xã Vĩnh Châu (ấp Mỹ Thuận; Mỹ Phú)	
7	Xã An Phú (thị trấn An Phú, xã Vĩnh Hội Đông, ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng; ấp Phước Thạnh của xã Phước Hưng)	400,0
8	Xã Vĩnh Hậu (thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Trường)	800,0
9	Xã Nhơn Hội (xã Nhơn Hội, xã Quốc Thái, phần lớn xã Phước Hưng; 02 ấp: Phú Thuận và Phú Trung thuộc xã Phú Hội)	700,0
10	Xã Khánh Bình (thị trấn Long Bình, xã Khánh An, xã Khánh Bình)	-
11	Xã Phú Hữu (xã Phú Hữu và xã Vĩnh Lộc, 1 phần ấp Phước Khánh (Cồn Cóc) xã Phước Hưng)	800,0
12	Xã Tân An (xã Tân Thạnh, xã Tân An và xã Long An)	769,0
13	Xã Châu Phong (xã Phú Vĩnh, xã Lê Chánh và xã Châu Phong)	863,0
14	Xã Vĩnh Xương (xã Phú Lộc, xã Vĩnh Xương và xã Vĩnh Hoà)	516,0
15	Phường Tân Châu (phường Long Thạnh và phường Long Sơn)	475,0
16	Phường Long Phú (phường Long Hưng, phường Long Châu và phường Long Phú)	330,0
17	Xã Phú Tân (Thị trấn Phú Mỹ, xã Tân Trung, xã Tân Hòa, xã Phú Hưng)	-
18	Xã Phú An (xã Phú Thọ, xã Phú Xuân, xã Phú An)	1.177,0
19	Xã Bình Thạnh Đông (xã Hiệp Xương, xã Phú Bình, xã Bình Thạnh Đông)	235,0
20	Xã Chợ Vàm (thị trấn Chợ Vàm, xã Phú Thành, xã Phú Thạnh)	1.968,0
21	Xã Hòa Lạc (xã Hòa Lạc, xã Phú Hiệp)	-
22	Xã Phú Lâm (xã Long Hòa, xã Phú Lâm, xã Phú Long)	105,0
23	Xã Châu Phú (thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú)	851,0
24	Xã Mỹ Đức (xã Mỹ Đức và xã Khánh Hòa)	974,0
25	Xã Vĩnh Thạnh Trung (xã Mỹ Phú và thị trấn Vĩnh Thạnh Trung)	1.406,0
26	Xã Bình Mỹ (xã Bình Mỹ, xã Bình Thủy và xã Bình Chánh)	783,0
27	Xã Thạnh Mỹ Tây (xã Đào Hữu Cảnh, xã Thạnh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ)	3.375,0

28	Phường Tịnh Biên (phường An Phú, phường Tịnh Biên và xã An Nông)	600,0
29	Xã An Cư (xã An Cư, xã Văn Giáo và xã Vĩnh Trung)	300,0
30	Xã Núi Cấm (xã An Hảo và xã Tân Lập)	1.250,0
31	Phường Thới Sơn (phường Nhơn Hưng, phường Nhà Bàng và phường Thới Sơn)	290,0
32	Phường Chi Lăng (phường Chi Lăng, phường Núi Voi và xã Tân Lợi)	824,0
33	Xã Tri Tôn (TT. Tri Tôn; xã Núi Tô; Châu Lăng)	521,0
34	Xã Ba Chúc (TT. Ba Chúc; xã Lê Trì; Lạc Quới)	140,0
35	Xã Vĩnh Gia (Vĩnh Gia, Vĩnh Phước, Lương An Trà)	3.391,0
36	Xã Ô Lâm (Lương Phi, An Tức, Ô Lâm)	754,0
37	Xã Cô Tô (Cô Tô, Tà Đảnh, Tân Tuyển))	3.201,0
38	Xã An Châu (thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh, xã Vĩnh Thành)	795,0
39	Xã Bình Hòa (xã Bình Hòa, xã An Hòa, xã Bình Thạnh)	535,0
40	Xã Cần Đăng (xã Cần Đăng, xã Vĩnh Lợi)	1.050,0
41	Xã Vĩnh Hanh (xã Vĩnh Hanh, xã Vĩnh Nhuận)	1.543,0
42	Xã Vĩnh An (thị trấn Vĩnh Bình, xã Vĩnh An, xã Tân Phú)	820,0
43	Xã Chợ Mới (thị trấn Chợ Mới, xã Kiến An, xã Kiến Thành)	110,0
44	Xã Cù Lao Giêng (xã Tân Mỹ, xã Mỹ Hiệp, xã Bình Phước Xuân)	-
45	Xã Hội An (thị trấn Hội An, xã Hòa Bình, xã Hòa An)	-
46	Xã Long Điền (thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A, xã Long Điền B)	250,0
47	Xã Nhơn Mỹ(xã Nhơn Mỹ, xã Mỹ Hội Đông, xã Long Giang)	270,0
48	Xã Long Kiến (xã An Thạnh Trung, xã Long Kiến, xã Mỹ An)	115,0
49	Xã Thoại Sơn (xã Thoại Giang; xã Bình Thành; thị trấn Núi Sập)	1.827,0
50	Xã Óc Eo (xã Vọng Thê; xã Vọng Đông; Thị trấn Óc Eo)	1.880,0
51	Xã Định Mỹ (xã Định Thành, xã Định Mỹ, Vĩnh Phú)	1.724,0
52	Xã Phú Hòa (xã Phú Thuận; xã Vĩnh Chánh; thị trấn Phú Hòa)	902,0
53	Xã Vĩnh Trạch (xã Vĩnh Khánh; xã Vĩnh Trạch)	1.191,0
54	Xã Tây Phú (xã An Bình, xã Tây Phú, xã Mỹ Phú Đông)	2.778,0
	Tổng cộng	44.053



Phụ lục 6: Kế hoạch địa điểm triển khai thực hiện mô hình Đề án 1 triệu ha sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL tại An Giang năm 2025 và 2026

STT	Xã phường (sau sáp nhập)	HTX/THT	Diện tích tham gia(ha)	Loại giống		
				Vụ Thu Đông 2025	Vụ Đông xuân 2025-2026	Vụ Hè Thu 2026
1	Xã Cần Đăng	HTX Hòa A	50	ĐT8	ĐT8	OM5451
2	Xã Long Điền	Hợp tác xã Tân Quới	49,6	Cửu Long 451	Cửu Long 451	Cửu Long 451
3	Xã Phú An	HTX.NN Phú An	54	IR4625	IR4625	IR4625
4	Xã Châu Phong	HTX Thạnh Phú	45,35	OM18	OM18	OM18
5	Xã Nhơn Hội	HTX NN Hưng Thịnh	50	ĐT8		
6	Phường Vĩnh Tế	Hợp tác xã Cây Châm	51,8	OM 18	OM 18	OM 18
7	Xã Núi Cấm	Tổ hợp tác Thành An	50	OM18	ĐT8	OM18
8	Xã Thạnh Mỹ Tây	THT Thuận Thiên	50	OM18	OM18	OM18
9	Xã Cô Tô	THT sản xuất lúa Tân Lập	52,8	OM18	ĐT8	OM18
10	Xã Thoại Sơn	HTX Thạnh Giang	50	OM 18	OM 18	OM 18

Phụ lục 7: DIỆN TÍCH TIÊU THỤ THEO KẾ HOẠCH CỦA DOANH NGHIỆP 2025
(Kèm Kế hoạch số 02/KH-SNNMT ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở NN & MT)

Số TT	Tên Doanh nghiệp	Đơn vị tính	Vụ Thu Đông 2025
I	Lúa, nếp	ha	46.500
1	Cty CP TĐ Lộc Trời	ha	20.000
2	Cty TNHH Angimex Kitoku	ha	200
3	Cty CP XNK An Giang (Angimex)	ha	8.000
4	Cty TNHH Lương thực Tấn Vương	ha	500
5	Công ty CP tập đoàn Tân Long	ha	4.000
6	Công ty CP Quốc Tế Gia	ha	10.000
7	DNTN Nguyễn Văn Hậu	ha	100
8	Cty TNHH Tân Thanh An	ha	400
9	Công ty TNHH Phước Thịnh	ha	500
10	DNTN Minh Phát	ha	500
11	Cty Tường Trình	ha	100
12	DNTN Đức Hòa	ha	100
13	Công ty Nanotech	ha	100
14	Các công ty SX lúa giống trên địa bàn tỉnh (17 DN)	ha	2.000
II	Rau màu		2.630
1	Công ty Antesco	ha	2.000
2	Công ty thủy sản Bạc Liêu	ha	50
3	Cty CP tập đoàn Lộc Trời (bấp lại)	ha	10
4	Công ty CP TNHH Nam Phương	ha	30
5	Công ty TNHH Farm Story (sen)	ha	30
6	DNTN Kim Nhung	ha	500
7	Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Phan (dưa lưới)	ha	10
8	Công ty Syngenta	ha	10

TT	Tên Doanh nghiệp	Đơn vị tính	Kế hoạch LK SX 2025
III	Cây ăn trái		2.460
	Xoài		2.260
1	Công ty Antesco	ha	1000
2	Công ty Vinh Vạn Phúc	ha	50
3	Công ty Nafood Group	ha	150
4	Công ty Ánh Dương Sao	ha	150
5	Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Phan	ha	350
6	Công ty XNK trái cây Chánh Thu	ha	100
7	Công ty Cát Tường	ha	50
8	Công ty Hoàng Phát friut	ha	100
9	Tập đoàn Vina T&T	ha	100
10	Công ty Kim Nhung	ha	200
	Sầu riêng		
1	Công ty XNK trái cây Chánh Thu	ha	200